

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112 /2020/DS-PT

Ngày: 25/8/2020

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Sử

Các thẩm phán: Ông Cao MINH Vỹ;

Ông Cao Xuân Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 và 25 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 96/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 5 năm 2020, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2020/QĐPT- DS ngày 03/7/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2020/QĐ-PT ngày 22/7/2020; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 30/2020/QĐPT-DS ngày 17/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Giáo xứ LC.

Địa chỉ: Thôn LC xã TH, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quốc Á sinh năm 1969, Linh mục chánh xứ theo Văn Thư bổ nhiệm số 10-19/TGM ngày 19/02/2019.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T và ông Nguyễn Xuân P, sinh năm 1965 theo giấy ủy quyền ngày 20/7/2020 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn LC xã TH, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Giáo xứ LC: Ông Phan MINH Định – Luật sư thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (có mặt).

- Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1930 bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1936 (ông M chết trong quá trình tố tụng, bà L vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 5, xã LS, T phố VT, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bà L ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn T L, sinh năm 1977 theo giấy ủy quyền được UBAND xã LS, T phố VT, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chứng thực ngày 17/11/2014 (có mặt) và ông Phùng Nguyễn L, sinh năm 1976 theo giấy ủy quyền được UBAND xã LS, T phố VT, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chứng thực ngày 13/12/2017 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 1173B, khu phố 3, phường Phước Trung, T phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn M:

1. Ông Nguyễn MINH T, sinh năm 1970 (có mặt).
2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1955 (vắng mặt).
3. Ông Nguyễn MINH N, sinh năm 1972 (vắng mặt).
4. Ông Nguyễn Hoàng MINH, sinh năm 1960 (vắng mặt).
5. Ông Nguyễn Tấn T1, sinh năm 1976 (vắng mặt).
6. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 14, thôn LC xã TH, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

7. Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 5, xã LS, T phố VT, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn MINH T, sinh năm 1970 (có mặt).
2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1955 (vắng mặt).
3. Ông Nguyễn MINH N, sinh năm 1972 (vắng mặt).
4. Bà Mai Thị T1, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 14, thôn LC xã TH, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Ông T, bà B, ông N ủy quyền tham gia tố tụng cho: Ông Phùng Nguyễn L, sinh năm 1976 (theo giấy ủy quyền số 151, quyển số 01 – SCT/CK,ĐC ngày 01/6/2017, ông L (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 1173B, khu phố 3, phường Phước Trung, T phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5. Ủy Ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa chỉ: Khu trung tâm hành chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn Thọ - Chủ tịch Ủy Ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn Mạnh – Phó giám đốc, ông Bùi Văn Hà chuyên viên sở T1 nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (theo công văn số 7470/UBND-VP ngày 21/7/2020 của UBND Tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (ông Mạnh, ông Hà vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại cấp sơ thẩm Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Năm 1974, Giáo xứ LC khai phá được khoảng 04 héc ta đất tọa lạc tại xã HB, huyện Châu T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã TH, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), trong đó có diện tích 10.559,5m² thuộc các thửa 347, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 378, 379, 380, 381, 655 tờ bản đồ số 37, có tứ cận: Đông giáp thửa 354 tờ bản đồ số 37; tây giáp thửa 744, 754, tờ bản đồ số 37; nam giáp đường đất và thửa 246 tờ bản đồ số 37; bắc giáp thửa 377 tờ bản đồ số 37.

Quá trình sử dụng đất: Năm 1978 do điều kiện kinh tế khó khăn, một số hộ dân xã LS, liên hệ với Ban hành giáo Giáo xứ LC do ông Nguyễn Văn Hoạt, thư ký Giáo họ LC kiêm trưởng ấp (hiện đã chết) mượn đất để sản xuất, trong đó vợ chồng ông M bà L mượn tổng diện tích khoảng hơn 16.000m². Gồm thửa 354 tờ bản đồ số 37 diện tích 6.201m² và các thửa 347, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 378, 379, 380, 381, 655 tờ bản đồ số 37 diện tích 10.559,5m². Việc cho mượn đất chỉ thỏa thuận miệng không lập văn bản, khi nào Giáo xứ cần sử dụng thì các hộ dân sẽ trả lại.

Năm 1990 theo yêu cầu của Giáo xứ, các hộ dân trả lại đất cho Giáo xứ, riêng hộ ông M bà L không trả, Giáo xứ LC yêu cầu ông M, bà L trả lại các thửa đất đã mượn nhưng ông M, bà L không đồng ý nên phát sinh tranh chấp kéo dài từ năm 1991 đến năm 1999. Theo chỉ thị 12 của UBND tỉnh Đồng Nai, năm 1997 Giáo xứ LC đã tiến hành đăng ký kê khai toàn bộ diện tích đất đã khai hoang Bo gồm cả các thửa đất đã cho ông M, bà L mượn. Qua nhiều lần hòa giải, các bên đã thỏa thuận như sau:

Ngày 11/10/1999 tại Ban ấp LC các bên thỏa thuận: Ông M, bà L sử dụng 6.201m² đất thuộc thửa 354, tờ bản đồ số 37; Giáo xứ LC sử dụng 10.770m² đất (đo đạc lại còn 10.559,5 m²) gồm các thửa 347, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 378, 379, 380, 381 và 655 tờ bản đồ số 37; ông M xin cho con là ông Mỹ (tên khai sinh là Nguyễn MINH N) được ở tạm trên nhà đất đến hết ngày 12/10/2001 sẽ di dời cây trồng, nhà tạm để trả lại đất cho giáo xứ.

Sau đó gia đình ông M cho rằng đại diện Giáo xứ LC là ông Vũ Huy N hù dọa gia đình ông, nên gia đình ông không đồng ý với Biên bản thỏa thuận ngày 11/10/1999 tại Ban ấp LC. Gia đình ông M tiếp tục khiếu nại, ngày 01/9/2000 UBND xã HB có làm việc giữa gia đình ông M, do ông M và ông N con ông M đại diện. Theo Biên bản làm việc ngày 01/9/2000 các bên thống nhất với nhau như nội dung thỏa thuận ngày 11/10/1999, ông M, bà L sử dụng 6.201 m² đất thuộc thửa 354, tờ bản đồ số 37, Giáo xứ LC hỗ trợ cho gia đình ông M 2.000.000 đồng di dời nhà đi nơi khác để trả lại đất cho Giáo xứ LC như thỏa thuận ngày 11/10/1999. Căn cứ Biên bản hòa giải ngày 11/10/1999 của Ban ấp LC và Biên bản làm việc ngày 01/9/2000 của UBND xã HB, ngày 02/02/2001, UBND xã HB đã ban hành quyết định số 09/QĐ-UB Về việc giải quyết tranh chấp 16.971m² đất Nông nghiệp giữa Ban hành giáo Giáo xứ LC và hộ ông Nguyễn Văn M, với nội dung hộ ông M trả lại cho Giáo xứ LC diện tích 10.770m² đất thuộc các thửa đất nói trên; Hộ ông M giữ lại diện tích 6.201m² đất thuộc thửa đất số 354, tờ bản đồ số 37 để sử dụng. Giáo xứ LC hỗ trợ ông M 2.000.000 đồng để hộ ông M di dời nhà đi nơi khác trước ngày 07/02/2001.

Không thực hiện cam kết trả lại đất như đã thỏa thuận, năm 2004 gia đình ông M làm đơn xin cấp toàn bộ diện tích 15.971m² đất trong đó cả diện tích 10.770m² đất mà ông M cam kết trả lại cho Giáo xứ LC. Ngày 14/12/2005 Chủ tịch UBND huyện Tân T ban hành quyết định số 7970/QĐ-CT.UBND. Theo đó, công nhận cho ông M, bà L diện tích 5.201 m² đất thuộc thửa 354, tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại xã TH, huyện Tân T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đồng thời không công nhận cho ông M diện tích đất 10.770m² còn lại và khẳng định ông M xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với các thửa đất này là không có căn cứ.

Ngày 08/12/2008, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã công nhận quyền sử dụng đất cho Giáo xứ LC đối với các thửa đất số 347, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 378, 379, 380, 381 và 655 tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại xã TH, huyện Tân T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với diện tích 10.559,5 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 849936 ngày 08/12/2008.

Tuy nhiên từ khi cam kết trả đất cho đến nay hộ ông M vẫn không di dời nhà, cây trồng để trả lại đất cho Giáo xứ. Nay Giáo xứ LC khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông M giao trả 10.559,5m² đất đã mượn và tự di dời toàn bộ công trình vật kiến trúc trên đất.

Đối với yêu cầu của bà L, ông T, ông N, bà B về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 849936 ngày 08/12/2008 cấp cho Giáo xứ LC Giáo xứ LC

không đồng ý vì các thửa đất này đã được UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Giáo xứ LC theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn bà L ủy quyền cho ông Nguyễn T Lập trình bày:

Năm 1975 vợ chồng ông M, bà L khai phá được diện tích đất khoảng 16.500m² gồm các thửa số 347, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 354, 378, 379, 380, 381 và 655 tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại xã HB, huyện Châu T, tỉnh Đồng Nai nay là xã TH, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Từ khi khai phá cho đến nay gia đình ông M, bà L đã trực tiếp canh tác trên các thửa đất này, một thời gian sau thì cho các con là bà B, ông T, ông N canh tác và sử dụng đến thời điểm hiện nay cụ thể như sau:

- Bà B sử dụng 2.603m² đất và trồng cây ngắn ngày, trên đất có 01 giếng khoan nước.

- Ông T sử dụng 2.692m² và trồng cây ngắn ngày, hiện trạng là đất trống, vị trí của khu đất này đã được xác định đúng như sơ đồ vị trí do cơ quan đo đạc lập.

- Vợ chồng ông N, bà T sử dụng 5.264,5m² đất, trên diện tích đất này có 01 căn nhà cấp 4 do ông N xây dựng và đang cùng gia đình sinh sống tại đây.

Quá trình phát sinh tranh chấp:

Năm 1991 ông M, bà L có đến UBND xã HB để làm thủ tục kê khai đăng ký sử dụng đất, đến năm 1996 thì làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất này nhưng cùng thời điểm, Giáo xứ LC cũng làm thủ tục đăng ký kê khai các thửa đất ông M, bà L đang sử dụng nên đã phát sinh tranh chấp. Các bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không T.

Ngày 14/12/2005 UBND huyện Tân T ban hành quyết định số 7970/QĐ – CT.UBND về việc giải quyết đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M, bà L. Sau khi nhận quyết định ông M, bà L không đồng ý nên tiếp tục khiếu nại đến UBND huyện Tân T, nhưng đến nay UBND huyện Tân T vẫn chưa có văn bản trả lời chính thức cho khiếu nại của ông M, bà L. Trước yêu cầu khởi kiện của Giáo xứ LC bị đơn không đồng ý. Vì nguồn gốc đất do ông M, bà L khai phá và sử dụng lâu dài từ năm 1975 cho đến nay. Bà L có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 849936 cấp ngày 08/12/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho Giáo xứ LC vì đất đang có tranh chấp nên việc cấp giấy là trái quy định của pháp luật.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Bị đơn là các ông bà Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn MINH T, Nguyễn MINH N, Nguyễn Thị B ủy quyền cho ông Phùng Nguyễn Long trình bày:

Các thửa đất gia đình ông M, bà L tranh chấp với Giáo xứ LC là do ông M, bà L khai phá vào năm 1975, sử dụng ổn định cho đến nay. Năm 1990 ông Nguyễn MINH T được ông M, bà L tặng cho khu đất có diện tích 2.692m^2 thuộc một phần của các thửa đất tranh chấp trên để trồng cây hoa màu. Vì là con và bố mẹ nên việc tặng cho giữa các bên được thực hiện trên thực địa, không lập T văn bản, không làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền. Hiện nay ông T đang sử dụng khu đất này và hiện trạng là đất trống. Nay ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Ông yêu cầu Tòa án xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 849936 ngày 08/12/2008 do UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp cho Giáo xứ LC đối với các thửa đất tranh chấp nêu trên.

Năm 1989 ông Nguyễn MINH N được ông M, bà L tặng cho diện tích đất $5.254,5\text{m}^2$ thuộc một phần của các thửa đất đang tranh chấp tọa lạc tại xã TH, huyện Tân T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để trồng cây hoa màu. Vì là con và bố mẹ nên việc tặng cho đất chỉ nói miệng, không lập T văn bản, không làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền. Hiện trên diện tích $5.254,5\text{m}^2$ ông N cùng vợ là bà Tốt có tạo lập được một sổ T1 sản theo biên bản định giá T1 sản ngày 12/01/2017. Nay ông N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn mà đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 849936 ngày 08/12/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp cho Giáo xứ LC đối với các thửa đất tranh chấp nêu trên.

Năm 1975 bà Nguyễn Thị B cùng bố mẹ trực tiếp khai phá các thửa đất số 347, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 378, 379, 380, 381 và 655 tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại xã TH, huyện Tân T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để canh tác trồng cây hoa màu. Sau này khi ông M, bà L lớn tuổi thì chuyển về sinh sống tại thôn 5, xã LS, T phố VT và tặng cho các thửa đất trên cho bà B, ông T, ông N cùng canh tác. Bà B hiện nay canh tác trên phần diện tích 2.603m^2 . Vì là con nên việc tặng cho đất chỉ nói miệng, không lập T văn bản, không làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền. Nay bà B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn mà yêu cầu Tòa án xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 849936 ngày 08/12/2008 đối với diện tích đất $10.559,5\text{m}^2$ thuộc các thửa đất số 347, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 378, 379, 380, 381 và 655 tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại xã TH, huyện Tân T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã cấp cho Giáo xứ LC.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà M Thị Tốt trình bày: Bà chung sống với ông Nguyễn MINH N vào năm 1989, đăng ký kết hôn vào năm 1993, khu đất ông bà đang ở có nguồn gốc là do cha mẹ chồng bà là ông M, bà L cho ông N vào năm 1989 việc tặng cho đất như ông N

đã trình bày. Quá trình chung sống ông bà có tạo lập được một số T1 sản cụ thể đã được thể hiện tại biên bản định giá T1 sản do Tòa án lập. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Giáo xứ LC.

2. *Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Bị đơn là các ông Nguyễn Hoàng MINH, ông Nguyễn Tấn T1, bà Nguyễn Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Thu V trình bày:*

Các ông bà là con của ông M, bà L. Nguồn gốc của các thửa đất mà Giáo xứ LC tranh chấp với gia đình các ông, bà là do ông M, bà L khai phá từ năm 1975, sử dụng đến năm 1989 thì giao lại cho ông T, ông N và bà B sử dụng cho đến nay. Các ông, bà không sử dụng khu đất này và cũng không được ông M, bà L chia đất như ông N, ông T, bà B. Đối với yêu cầu khởi kiện của Giáo xứ LC các ông, bà không đồng ý. Do nguồn gốc đất là do cha mẹ các ông, bà khai phá nên đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp trên theo quy định của pháp luật.

3. *Ủy Ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (đại diện theo ủy quyền là ông Hồ Văn Tú) trình bày:*

Ngày 05/9/2007 Giáo xứ LC có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 347, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 378, 379, 380, 381 và 655 tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại xã TH, huyện Tân T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Cơ quan có thẩm quyền đã xác nhận nguồn gốc của các thửa đất là do giáo dân của Giáo xứ LC khai phá và sử dụng lâu dài từ năm 1974 cho đến thời điểm cấp giấy, không có tranh chấp.

Ngày 23/10/2008 Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã Ban hành quyết định số 3802/QĐ – UBND công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 61.720,8 m² tọa lạc tại xã TH, huyện Tân T cho Giáo xứ LC để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, trong đó có các thửa đất trên.

Ngày 08/12/2008 Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 10.559,5 m² thuộc các thửa đất số 347, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 378, 379, 380, 381 và 655 cho Giáo xứ LC theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 849936 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T08489.

Do đó Ủy Ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Giáo xứ LC đối với các thửa đất trên. Vì vậy, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của những người có

quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 849936 ngày 08/12/2008 cấp cho Giáo xứ LC.

Những người làm chứng:

1. Bà Phạm Thị Giang trình bày:

Bà xác định các thửa đất 347, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 378, 379, 380, 381 và 655 tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại xã TH, huyện Tân T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là đất của Giáo xứ LC. Bà biết được việc này là vào năm 1978 các hộ dân tại xã LS trong đó có gia đình bà, gia đình ông Ngô Văn Tiểu ông Nguyễn Văn Chón, ông Phạm Văn Ngon và gia đình ông Nguyễn Văn M (tên thường gọi là Bảy M) đến Giáo xứ LC xã HB mượn đất để trồng cây hoa màu. Thời điểm này đại diện Giáo xứ LC cho gia đình bà và các hộ dân khác mượn đất là ông Nguyễn Văn Hoạt – Thư ký giáo họ LC. Gia đình bà và các hộ dân khác đều hứa khi nào Giáo xứ cần thì sẽ trả lại đất. Năm 1991 khi Giáo xứ LC có thông báo lấy lại đất nên gia đình bà và các hộ dân khác đã giao trả đất cho Giáo xứ. Riêng gia đình ông M, bà L không trả đất đã mượn cho Giáo xứ LC theo như thỏa thuận trước đây.

2. Ông Trương Văn Thấm trình bày:

Ông xác định các thửa đất đang tranh chấp giữa gia đình ông M, bà L với Giáo xứ LC là đất của Giáo xứ LC cho ông M, bà L mượn. Do ông sinh sống tại thôn LC và đi làm thuê cho nhiều hộ dân ở khu vực này nên ông biết các thửa đất này do Giáo xứ LC khai hoang. Năm 1978 các hộ dân tại xã LS trong đó có gia đình ông Ngô Văn Tiểu, gia đình ông Nguyễn Văn Chón gia đình bà Phạm Thị Giang và gia đình Nguyễn Văn M (tên thường gọi là Bảy M) đến Giáo xứ LC tại xã HB mượn đất của Giáo xứ LC để sử dụng. Thời điểm này ông được ông Tư Tiểu, ông Hai Chón thuê cày đất nên ông có nghe họ nói về việc mượn đất của Giáo xứ LC. Năm 1991 khi Giáo xứ LC có thông báo lấy lại đất thì ông biết gia đình ông Tư Tiểu, ông Hai Chón, bà Sáu đã hoàn trả đất cho Giáo xứ. Riêng gia đình ông M đang canh tác tại các thửa đất trên thì không trả đất cho Giáo xứ, ông không biết lý do.

3. Ông Trần Văn Ninh trình bày:

Ông xác định Biên bản hòa giải ngày 01/9/2000 là do ông lập với tư cách là cán bộ địa chính xã HB, huyện Châu T, tỉnh Đồng Nai cũ. Trong quá trình hòa giải tranh chấp ông M đã thừa nhận các thửa đất gia đình ông đang sử dụng là do Giáo xứ LC cho mượn và đồng ý trả lại cho Giáo xứ. Do đó, việc Bị đơn cho rằng bị ép buộc khi thỏa thuận là không đúng vì buổi hòa giải này ngoài ông M còn có ông N là con của ông M tham gia và ký xác nhận nội dung hòa giải.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DSST ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân T đã áp dụng các Điều 26, 34, 35, 39 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 99 và 105 Luật đất đai năm 2003; Điều 27 pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy Ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Giáo xứ LC với bà L và các đồng thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M gồm bà B, ông T, ông N, bà Tốt về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và T1 sản gắn liền với đất”.

2. Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bà L và yêu cầu độc lập của các ông T, ông N, bà B về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 849936 ngày 08/12/2008.

3. Buộc bà L và bà B phải di dời 01 giếng khoan và giao trả cho giáo xứ LC phần đất được kí hiệu là lô B có diện tích 2603 m².

4. Buộc bà L và ông T phải giao trả cho giáo xứ LC phần đất kí hiệu lô C có diện tích 2692 m².

5. Buộc bà L và ông N, bà Tốt phải di dời toàn bộ T1 sản trên phần đất được kí hiệu là lô A có diện tích 5264,5m².

Các T1 sản trên đất phải di dời gồm: 01 căn nhà tạm A3 diện tích 162,96m², 01 căn nhà tạm A4 diện tích 29,4m², 01 nhà vệ sinh xây tạm diện tích 6,2m², 02 giếng khoan, hàng rào lưới B40 dài 141,6m và 01 hồ chứa nước có thể tích là 24 m³ cùng toàn bộ cây trồng trên đất gồm: 04 cây Dừa, 02 cây M chiều thủy, 06 cây Xoan, 02 cây Mít, 05 cây M, 01 cây Ôi, 01 cây Xanh, 01 cây Tràm, 01 cây Bàng, 02 cây Sung (theo biên bản định giá T1 sản ngày 12/01/2017).

Vị trí, tứ cận, tọa độ và diện tích cụ thể của các thửa đất tranh chấp được thể hiện theo sơ đồ vị trí ngày 06/9/2016 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chi nhánh huyện Tân T cung cấp đính kèm bản án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí đo đạc, định giá, án phí, thời hạn thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15/8/2017 bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DS-ST ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân T với nội dung: Ngày 17/2/2017 bà L có đơn phản tố yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 849936 do UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp cho Giáo xứ LC nhưng Tòa án nhân dân huyện Tân T không chuyển vụ án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải quyết sơ thẩm là vi phạm thẩm quyền giải

quyết được quy định tại Khoản 4, Điều 34 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, do đó yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 25/2017/DS-ST ngày 03/8/2017 của Tòa án huyện Tân T.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 04/01/2018:

- Ông Nguyễn T Lập, ông Phùng Nguyễn Long đại diện theo ủy quyền của bà L không cung cấp thêm được chứng cứ mới. Sau khi nghe Hội đồng xét xử phúc thẩm giải thích, ông Thanh đại diện theo ủy quyền của Giáo xứ LC đồng ý tự nguyện hỗ trợ toàn bộ giá trị công trình, vật kiến trúc, cây trồng, giếng khoan theo Biên bản định giá ngày 12/01/2017 cho bà L và các con là ông T, bà B, vợ chồng ông N bà Tốt tổng cộng là 155.439.660 đồng nhưng ông Lập, ông Long đại diện theo ủy quyền của bà L không chấp nhận. Ông Long phủ nhận chữ ký của ông M trong “Biên bản hòa giải tranh chấp đất nông nghiệp” ngày 11/10/1999 của ấp LC và thừa nhận chữ ký của ông M trong “Biên bản làm việc” ngày 01/9/2000 của UBND xã HB đồng thời cho rằng quá trình giải quyết chỉ có một mình ông M tham gia nên bị ép buộc. Do đó ông Lập, ông Long đại diện theo ủy quyền của bà L vẫn giữ nguyên quan điểm Tòa án nhân dân huyện Tân T vi phạm về thẩm quyền giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 01/2018/DS-PT ngày 04/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L.

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DSST ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân T, đình chỉ giải quyết vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là Giáo xứ LC và bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim L cùng các đồng thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn M gồm các ông bà: Nguyễn Thị B, Nguyễn Hoàng MINH, Nguyễn MINH T, Nguyễn MINH N, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Tấn T1, Nguyễn Thị Thu H.

Không đồng ý với Bản án phúc thẩm, ngày 10/02/2018 Giáo xứ LC có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm. Ngày 21/11/2019 Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại T phố Hồ Chí MINH có Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, đề nghị Ủy Ban Thẩm phán Tòa án nhân dân Cấp cao tại T phố Hồ Chí MINH hủy toàn bộ Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu, để xét xử lại phúc thẩm. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 25/2020/DS-GĐT ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại T phố Hồ Chí MINH, đã hủy toàn bộ Bản án phúc thẩm số 01/2018/DS-PT ngày 04/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu, để xét xử lại phúc thẩm lại.

Tại Phiên Tòa phúc thẩm lần 2, đại diện các đồng thừa kế của ông M, bà L là ông T và ông Lập vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, với lý do: Nguồn gốc đất của vợ chồng ông M bà L khai phá và sử dụng ổn định từ năm 1978; Bị đơn có yêu cầu phản tố hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Giáo xứ LC án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp tỉnh nhưng Tòa án nhân dân huyện Tân T giải quyết là vi phạm thủ tục tố tụng. Đại diện Bị đơn cung cấp thêm chứng cứ là Đơn xin khai thác những phần đất hoang ngày 09/9/1980 có xác nhận của Ban chỉ đạo sản xuất ấp LC và biên lai nộp thuế năm 1980. Bị đơn và các đồng thừa kế của Bị đơn không yêu cầu định giá lại T1 sản trên đất tranh chấp.

Đại diện Nguyên đơn, ông Nguyễn Xuân PH vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn bà L và các đồng thừa kế của ông M trả lại 10.559,5m² đất thuộc các thửa 347, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 378, 379, 380, 381, 655 tờ bản đồ 37, xã TH, thị xã PM. Nguyên đơn có ý kiến vì nhà cửa và vật kiến trúc trên đất nếu buộc bị đơn phải di dời sẽ hư hỏng, gây thiệt hại về T1 sản cho bị đơn, nếu Bị đơn và các đồng thừa kế của Bị đơn để lại toàn bộ T1 sản gồm: nhà cửa, hoa màu cây cối trên đất, Nguyên đơn sẽ bồi thường toàn bộ giá trị T1 sản trên đất là 155.439.660 đồng theo Biên bản định giá năm 2017 và hỗ trợ thêm 44.560.340 đồng, tổng cộng là 200.000.000 đồng cho Bị đơn và các đồng thừa kế của Bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư ký tuân thủ đúng quy định tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử tiến hành xét xử công khai, đúng quy định tố tụng. Những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên xét xử vắng mặt là đúng quy định. Về kháng cáo, đúng quy định, trong hạn nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Kim L kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do vi phạm thẩm quyền. Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Tân T thụ lý ngày 22/10/2014, ngày 12/4/2017 bà L mới có yêu cầu hủy quyết định cá biệt. Bản án sơ thẩm không tuyên hủy giấy chứng nhận đã cấp cho Giáo xứ LC nên cấp sơ thẩm không vi phạm thẩm quyền giải quyết. Kháng cáo của bà L không có căn cứ để chấp nhận hủy án sơ thẩm.

Về nguồn gốc đất tranh chấp. Giáo xứ LC khai hoang sau đó cho ông M mượn, tuy không có văn bản cho mượn nhưng ông M nhiều lần thể hiện trả lại cho Giáo xứ

LC. Chứng tỏ đất có nguồn gốc của Giáo xứ LC ông M mượn. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Giáo xứ LC buộc bà L và các đồng thừa kế của ông M trả lại đất cho Giáo xứ là đúng quy định của pháp luật. Về án phí cấp sơ thẩm áp dụng án phí có giá ngạch là không đúng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, nhưng sửa Bản án sơ thẩm về phần án phí theo hướng không có giá ngạch và đề nghị Miễn án phí cho bà L vì cao tuổi và ghi nhận sự tự nguyện của Nguyên đơn nhận T1 sản trên đất và hoàn trả giá trị T1 sản và hỗ trợ cho bị đơn 200.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Giáo xứ LC khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn M trả lại 10.559,5m² đất tọa lạc tại xã TH, huyện Tân T (nay là thị xã PM), cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là đúng pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án (năm 2016) ông M chết, cấp sơ thẩm đưa các đồng thừa kế của ông M tham gia tố tụng với vai trò là người thừa kế quyền tố tụng của ông M là đúng quy định pháp luật.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Tân T ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2017/DSST, bà B, ông T và vợ chồng ông N bà T không kháng cáo. Ngày 03/8/2017 bị đơn bà L có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, với lý do cấp sơ thẩm vi phạm thẩm quyền. Kháng cáo của bà L đúng quy định trong thời hạn nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Xét kháng cáo của bà L cho rằng Tòa án nhân dân huyện Tân T vi phạm tố tụng về thẩm quyền giải quyết. Theo giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn: *“Trường hợp vụ việc dân sự do Tòa án nhân dân cấp huyện thụ lý trước ngày 01-7-2016 nhưng kể từ ngày 01-7-2016 mới phát sinh yêu cầu hủy quyết định cá biệt của Ủy Ban nhân dân cấp huyện mà quyết định đó rõ ràng trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và phải hủy quyết định đó mới bảo đảm giải quyết đúng đắn vụ việc dân sự thì căn cứ khoản 4 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án nhân dân cấp huyện đã thụ lý tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không chuyển cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết. Nếu Tòa án nhân dân cấp huyện đã chuyển hồ sơ vụ việc cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã thụ lý thì Tòa án nhân dân cấp tỉnh tiếp tục giải quyết”*. Vụ án

này được Tòa án nhân dân huyện Tân T thụ lý ngày 22/10/2014 đến ngày 13/4/2017 Tòa án nhân dân huyện Tân T mới thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Giáo xứ LC nên Tòa án nhân dân huyện Tân T tiếp tục giải quyết là không vi phạm thủ tục tố tụng. Kháng cáo của Bị đơn về việc Tòa án nhân dân huyện Tân T vi phạm thẩm quyền giải quyết là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Đơn kháng cáo của bị đơn bà L không đề cập đến nội dung nguồn gốc đất tranh chấp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của bà L và các đồng thừa kế của ông M cho rằng, nguồn gốc 10.559,5m² đất thuộc các thửa 347, 354, 378, 381, 655 tờ bản đồ 37 tọa lạc tại xã TH, huyện Tân T, nguyên đơn Giáo xứ LC tranh chấp là của Bị đơn khai phá, nhưng Bản án sơ thẩm nhận định của Giáo xứ LC và buộc bà L và các đồng thừa kế khác của ông M trả lại cho Giáo xứ LC là không đúng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Năm 1974 Giáo xứ LC đầu tư khai hoang khoảng 4 ha đất, sau đó Giáo xứ LC giao cho các hộ dân canh tác và làm công đức cho Nhà thờ. Khoảng năm 1978 một số hộ dân xã LS, T phố VT không có đất canh tác nên qua HB (nay là TH) mượn đất canh tác, trong đó có hộ ông M, bà L. Năm 1990 các hộ dân trả lại đất cho Giáo xứ, riêng hộ ông M mượn nhưng không trả. Mặc dù việc cho mượn đất không làm văn bản, tuy nhiên, tại “Biên bản hòa giải tranh chấp đất nông nghiệp” ngày 11/10/1999 của ấp LC (BL 47) và “Biên bản làm việc” ngày 01/9/2000 của UBND xã HB (BL 79), ông M đã thừa nhận nguồn gốc đất là thuộc quyền sử dụng của Giáo xứ LC đồng thời Giáo xứ LC và ông M đã Thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp, Giáo xứ LC để lại cho gia đình ông M 6.201m² thuộc thửa đất số 354, tờ bản đồ số 37 (đo đạc lại còn 5.201 m² đất) ông M trả lại 10.770 m² đất (đo đạc lại còn 10.559,5 m²) cho Giáo xứ LC Giáo xứ LC hỗ trợ cho gia đình ông M 2.000.000 đồng. Bị đơn và đại diện theo ủy quyền của Bị đơn lúc thì không công nhận, lúc thì công nhận chữ ký của ông M trong “Biên bản hòa giải tranh chấp đất nông nghiệp” ngày 11/10/1999 của ấp LC và cho rằng việc hòa giải ngày 01/9/2000 của xã HB ông M bị ép buộc. Tuy nhiên, Bị đơn không có đơn yêu cầu giám định chữ ký của ông M, và không có chứng cứ để chứng MINH bị xã HB ép buộc ký biên bản. Chứng cứ mới do bị đơn cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm lần hai là Đơn xin khai thác những phần đất hoang của gia đình ông M, bà L gửi Ban ấp LC. Theo đó Ban ấp LC chấp thuận cho gia đình ông M mượn tạm khi nào Nhà nước cần sử dụng sẽ báo ông M hoàn trả. Đơn này đã xác nhận đất này ông M chỉ mượn tạm để khai thác sử dụng, khi Nhà

nước cần ông M phải hoàn trả. Chứng cứ này hoàn toàn phù hợp với trình bày của nguyên đơn Giáo xứ LC cho gia đình ông M mượn tạm. Việc năm 1980 ông M kê khai nộp thuế, Hội đồng xét xử thấy rằng gia đình ông M sử dụng nên ông M kê khai và nộp thuế là đúng, việc kê khai nộp thuế không có nghĩa là đất có nguồn gốc của ông M bà L khai phá. Do đó kháng cáo của bị đơn bà L là không có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm lần 2, Đại diện Nguyên đơn có ý kiến, nếu gia đình ông M bà L để lại toàn bộ T1 sản trên đất cho Giáo xứ LC Giáo xứ LC sẽ thanh toán tiền lại cho gia đình ông M theo Biên bản định giá và hỗ trợ thêm cho gia đình ông M 44.560.340 đồng, tổng cộng là 200.000.000 đồng cho Bị đơn và các đồng thừa kế của Bị đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo Biên bản định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ, căn nhà và các công trình trên đất, gia đình ông M xây dựng tạm đã lâu, nếu buộc gia đình ông M phải di dời như Bản án sơ thẩm đã tuyên thì không còn giá trị sử dụng, rất lãng phí, ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông M. Việc bồi thường và hỗ trợ của Nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, mặc dù Bị đơn không có ý kiến gì về đề nghị này của Nguyên đơn. Nhưng Hội đồng xét xử thấy đề nghị của Nguyên đơn là hợp lý, giảm thiểu thiệt hại và có lợi cho bị đơn nên ghi nhận sự tự nguyện này của Giáo xứ LC.

Án phí dân sự sơ thẩm, Nguyên đơn tranh chấp quyền sử dụng đất, không tranh chấp chia giá trị đất và T1 sản trên đất nên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch là không đúng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L và sửa một phần Bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L. Sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Giáo xứ LC bồi thường giá trị T1 sản và hỗ trợ cho Bị đơn và các đồng thừa kế của Bị đơn.

Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng bà L là người cao tuổi, nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà L.

Vì các lẽ trên:

Áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 181 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2017/DSST ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân T như sau:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Giáo xứ LC với bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Kim L về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

[1.1]. Buộc bà Nguyễn Thị Kim L và các đồng thừa kế của ông M trả lại phần đất được kí hiệu là lô B có diện tích 2.603 m² hiện nay bà Nguyễn Thị B đang quản lý sử dụng cho giáo xứ LC.

[1.2]. Buộc bà Nguyễn Thị Kim L và các đồng thừa kế của ông M phải trả lại phần đất kí hiệu lô C có diện tích 2.692 m² hiện nay ông Nguyễn MINH T đang quản lý và sử dụng cho giáo xứ LC.

[1.3]. Buộc bà Nguyễn Thị Kim L và các đồng thừa kế của ông M trả lại phần đất được kí hiệu là lô A có diện tích 5.264,5m² hiện nay ông Nguyễn MINH N và bà M Thị Tốt đang sử dụng cho giáo xứ LC.

[1.4]. Ghi nhận sự tự nguyện của Giáo xứ LC bồi thường toàn bộ giá trị T1 sản trên đất là 155.439.660đ theo Biên bản định giá ngày 12/01/2017 và hỗ trợ thêm 44.560.340đ, tổng cộng là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) cho bị đơn bà L và các đồng thừa kế của ông M.

[1.5]. Buộc bị đơn bà L và các đồng thừa kế của ông M giao lại các T1 sản trên đất gồm: 01 căn nhà tạm A3 diện tích 162,96m², 01 căn nhà tạm A4 diện tích 29,4m², 01 nhà vệ sinh xây tạm diện tích 6,2m², 02 giếng khoan, hàng rào lưới B40 dài 141,6m và 01 hồ chứa nước có thể tích là 24 m³ cùng toàn bộ cây trồng trên đất gồm: 04 cây Dừa, 02 cây M chiếu thủy, 06 cây Xoan, 02 cây Mít, 05 cây M, 01 cây Ổi, 01 cây Xanh, 01 cây Tràm, 01 cây Bàng, 02 cây Sung (theo biên bản định giá T1 sản ngày 12/01/2017)

Vị trí, tứ cận, tọa độ và diện tích cụ thể của các thửa đất tranh chấp được thể hiện theo sơ đồ vị trí ngày 06/9/2016 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chi nhánh huyện Tân T cung cấp đính kèm bản án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự (10/năm) tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2] Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn MINH T, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn MINH N về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 849936 ngày 08/122008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã cấp cho Giáo xứ LC.

[3] Án phí dân sự:

[3.1]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà L, ông M (đã chết) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng bà L là người cao tuổi ông M (đã chết) nên miễn án phí cho các bị đơn. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp cho bà Nguyễn Thị Kim L 300.000đ (B trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003771 ngày 13/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T.

- Ông Nguyễn MINH T phải chịu 300.000đ (B trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003772 ngày 13/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T, ông T đã nộp xong.

- Ông Nguyễn MINH N phải chịu 300.000đ (B trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003769 ngày 13/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T, ông N đã nộp xong.

- Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ (B trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003770 ngày 13/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T, bà B đã nộp xong.

- Hoàn lại cho Giáo xứ LC 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 00241 ngày 20/10/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đã thi hành án.

[3.2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đ, bà L là người Cao tuổi nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà L. Hoàn

lại cho bà L 300.000đ (B trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004696 ngày 18/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đã thi hành án.

[3.3] Chi phí đo đạc định giá, nguyên đơn đồng ý chịu tòa bộ, nguyên đơn đã nộp xong.

“ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 25/8/2020).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BRVT;
- Tòa án thị xã PM;
- CCTHADS thị xã PM;
- Chi nhánh VP. ĐKQSD đất
Thị xã PM;
- Sở Tư pháp (VP. Công chứng);
- Lưu.

Đặng Văn Sử

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**